



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE NGOC BUU
Last Middle First

Current Address: 32 Saw Mai D. 07. Q. Tân Bình TP HCM.

Date of Birth: 10/22/41 Place of Birth: Thừa Thiên

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09/11/74 To 01/30/84
Years: 10 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
Name BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Lính gọi: Ông Hội Trưởng, Hội Gia đình Tù nhân chính trị Việt nam.
P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205. DE 35 U.S.A.

Lính thưa Ông.

Tôi ký tên dưới đây là LÊ NGỌC BỬU sinh năm 1942. Tại Thừa Thiên
(Huế) chứng trú tại 344/18 Trần Hưng Đạo F4. Thành phố Mỹ Tho.
Tỉnh Tiền Giang (Hiện đang tạm trú tại 145 Bành Văn Trân F7.
Quận Tân Bình. Thành phố Hồ Chí Minh. Mọi địa chỉ liên lạc xin
gửi về đây.)

Nguyên tôi là vũ sĩ quan Quân lực / VNCH cấp bậc Thiếu tá.
Số quân 61/215954 chức vụ Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 127/ĐP
tại Thừa Thiên (Huế).

Ngày 11-9-1974 đơn vị của tôi bị thất thủ tại Mặt trận Bạch
Mã (Bến Thừa Thiên). Tôi bị thương nặng và đã bị bắt làm tù binh
sau đó tôi được chuyển ra các trại tù binh ở miền Bắc.

Sau ngày 30-4-1975 tôi được các nhân viên của các trại tù,
cải tạo từ Trung Nam chuyển ra. Sau sau cũng của tôi tại miền Bắc là
trại Nam Hà. (Hà Nam Ninh). Năm 1983 tôi được chuyển trại vào
miền Nam tại trại tù cải tạo HẠM TÂN (Thuận Hải). Đến ngày
30-1-1984 tôi được thả về đoàn tụ gia đình và quản chế tại địa
phương 12 tháng; cho đến ngày 5-9-1986 tôi mới được xóa chế
(trở quyền công dân).

Tháng 08-1988 tôi đã có gửi hồ sơ đến Hội tù nhân chính trị
(ở KHUẾ MỸ THO) để xin lên danh sách. Tôi đã được hội hỏi báo và
đã bổ túc hồ sơ. Tháng 1-1989 tôi đã được hỏi báo và được biết hồ
sơ đã chuyển cho chính phủ HOA KỲ xử lý.

Ngày 29-8-1990 tôi đã lập lại hồ sơ và đến xin chính phủ
Việt nam để xin xuất cảnh theo sự thỏa thuận giữa hai chính phủ
Việt nam và Hoa Kỳ; trong chương trình nhân đạo.

Mọi tôi và gia đình được nhà chức trách địa phương chấp thuận
cho xuất cảnh gồm 07 người (gồm báo tin), đề nghị lên danh sách
và chuyển cho chính phủ Hoa Kỳ xét cho phỏng vấn và nhập cảnh.

Lính thưa Ông Hội Trưởng.

Được biết Quý hội đã và đang bảo trợ cho những gia đình tù
cải tạo có điều kiện sang định cư tại HOA KỲ. Nhất là đối với

những gia đình không có thêm nhân bản đó.

Nay gia đình chúng tôi trần trọng thính, cầu quý hội, giúp đỡ và bác trợ gia đình chúng tôi khi đến HOA KỲ, có được nơi ăn chốn ở và được người hướng dẫn, đỡ đầu.

Chúng tôi mong nhờ sự uy tín của hội, giúp đỡ và can thiệp hữu hiệu để phái đoàn chính phủ HOA KỲ để chúng tôi sớm được phỏng vấn và khám sức khỏe để sớm được lên đường thay đổi cuộc sống mới. Chân thành gửi đến quý hội lòng biết ơn sâu xa và lời chào kính trọng.

Sài Gòn. Ngày 23.12.1990

Kính đến

Ubon

Lê Ngọc Bửu.

Danh sách những người cũng đi theo

TT	Họ và tên	Năm sinh	Liên hệ gia đình	Địa chỉ
1	Lê Ngọc Bửu	1941	cha	344/18 Trần Hưng Đạo Ph. Mỹ Tho. Tiền Giang
2	Nguyễn Thị Ngọc Thu	1950	vợ	nt
3	Lê Nguyễn Quốc Vũ	1967	con trai	nt
4	Lê Nguyễn Trường Vũ	1968	con trai	nt
5	Lê Ngọc Thụy Vũ	1970	con gái	nt
6	Lê Nguyễn Huy Vũ	1972	con trai	nt
7	Lê Ngọc Hạ Vũ	1974	con gái	nt

Hồ sơ đính kèm:

- 01: Giấy ra trại
- 01: Giấy báo tin (chấp thuận cho xuất cảnh)
- 01: Bản sao hồ chiếu
- 01: Bản quyết định xã chế

Trại **Huân tước**

Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Số **GRT**

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-12-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định số **25** ngày **16** tháng **01** năm **1984**

của **Tribunal**

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Lê Ngọc Bình** Sinh năm 19 **41**

Các tên gọi khác **Lê Ngọc Bình**

Nơi sinh **Tên khai sinh**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **374/48 trên hướng dẫn kỹ thuật, tên khai sinh**

Cán tội **Thẩm phán viên trưởng**

Bị bắt ngày **11/09/74** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số **25** ngày **16** tháng **01** năm **1984** của **Tribunal**

Đã bị xử án **lần đầu tiên** năm **1984** tháng **01**

Đã được giảm án **lần, cộng thành** năm **1984** tháng **01**

Nay về cư trú tại **374/48 trên hướng dẫn kỹ thuật, tên khai sinh**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chấp sự giáo dục của đơn vị.

Lao động : Thể hiện tinh thần cố gắng tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao có chất lượng.

Nghiệp vụ : chấp hành nghiêm chỉnh sai phạm gì lớn.

Học tập : tham gia đủ giờ học chuyên môn.

(quán chức hiện tại)

Trước ngày **16** tháng **01** năm **1984**

Trước ngày **16** tháng **01** năm **1984**

Lưu tay ngón trở phi

Của **Lê Ngọc Bình**

Danh bân số

Lập tại

Họ tên, chữ ký người được áp giải

Ngày **16** tháng **01** năm **1984**

Q. Giám thị

SAO Y BAN CHANH
TRAM Y BAN CHANH

THIÊN TÀI NGUYỄN ANH QUANG



Xác nhận
Đ/S cũ đến trỗi dậy
tại địa phương

Ngày 2-2-84

Ủy ban hương xã


[Handwritten signature]

NGUYỄN VĂN THANH

HỘI LÃNH
CÔNG AN TIỀN GIANG

SC. 11 / QP.XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

(Tiền Giang, ngày 5 tháng 3 năm 1986)

- Căn cứ sắc lệnh số 175/SN ngày 18 tháng 08 năm 1958 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Nghị định số 298/TTg ngày 18 tháng 08 năm 1953, Thông tư số 220/TTC ngày 14 tháng 04 năm 1978 của Hội Đồng Chính Phủ quy định công tác quản lý và xử lý các loại đối tượng.

... Chính trị ... 22 tháng 9 năm 1986

- Thấy trong hồ sơ ... ở địa phương ...
dương sự ... tình ... chính sách của Đảng
và Nhà nước ...

Nay công an Tỉnh Tiền Giang.

Điều 1: X ... Lê Ngọc Bình ... SN. 1941 ...

Quốc tịch

Tên thật

Chức vụ

Chức vụ

Thời hạn quản chế tại địa phương là ... 12 tháng ...

Điều 2: Ủy ban nhân dân, công an ...

... được sự đồng ý của ...



...
...

2255 H 9

12.333

T 12

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:6.1...../XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Lê Ngọc Bửu

Hiện ở: 394/18 Trần Hưng Đạo, P4, Q.5, TP. HCM, Tiền Giang

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 06 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 02 hộ chiếu cho gia đình, số:

109882 đến 109894/90 DC,

(quả Kém theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H 25 chuyển Bộ Ngoại giao đề chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo đề ông yên tâm./.

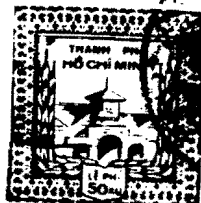
SAG Y BAN CHÁNH VỊ, ngày 4 tháng 12 năm 1990

Ngô Văn Đức; 12 năm 1990 TRƯỞNG PHÒNG X.N.C

TH. UB. PH. 7

Y. C. T. I. C. H.

Y. C. T. I. C. H.



Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Văn Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại tự do và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*

SATYUAN CHANH

1990

1990

1990

1990

1990

1990

1990

1990



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 109894/90-ĐC



Họ và tên / Full name

LÊ NGOC HA YU

Ngày sinh / Date of birth

1974

Nơi sinh / Place of birth

Phước Sơn - Huế

Chỗ ở / Domicile

Tiền - Quảng

Nghề nghiệp / Occupation

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
his passport is valid up to

15. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
his passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

Ấp tại Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 1990.
issued at on



Lê Thị Duyên

5

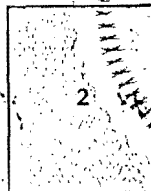
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

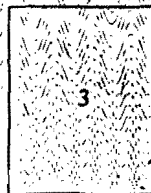
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



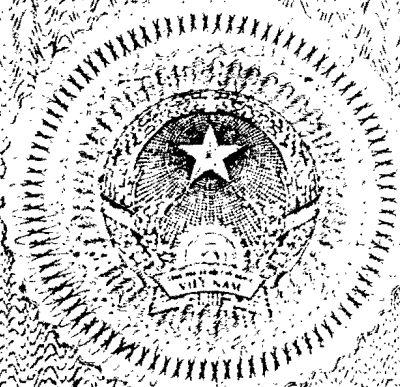
Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



TÊN TÊN QUÂN QUÂN

109891 INC.

Lê Ngọc Hòa Vũ.

1. 2. 3.

Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

địa phương: Tân Sơn Nhất

ngày 15.5.1991

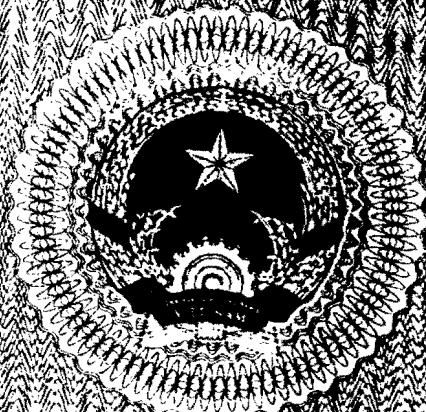
Hanoi ngày 15 tháng 11 năm 1990.

CHỖ DÁN VÉ VÀ TÊN QUÂN QUÂN



Lê Chí Duyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 109892/90-ĐC

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



NGUYỄN VĂN CHANH



Họ và tên / Full name

LÊ NGUYỄN HUY VŨ

Ngày sinh / Date of birth

1979

Nơi sinh / Place of birth

Phước An - Hà

Chỗ ở / Domicile

Phước An - Hà

Nghề nghiệp / Occupation

Chang

Chiều cao / Height

1.70

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hồ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC QUỐC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 1990,

Issued at

on

TRUNG TÂM XUẤT NHẬP CANH

Trưởng phòng



Lưu Thị Duyên

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

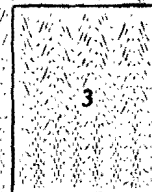
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

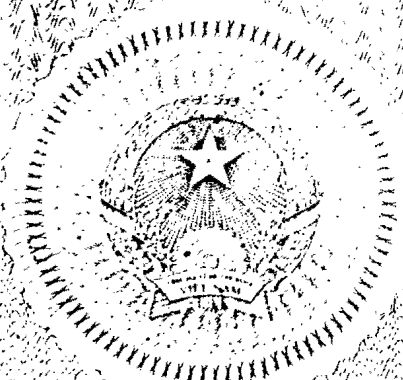


Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

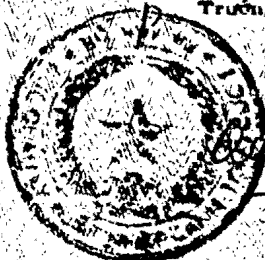
BỊ CHỮ — REMARKS



THỰC THỰC — VISAS

TÊN: 10989200
 Họ tên: Lê Nguyễn Huy Vũ
 Chức vụ: trẻ em
 Đến nước: Liên bang quốc Triều Tiên
 Từ cửa khẩu: Cửa Lôn Khut
 Trước ngày: 15.5.1991
 Hồ Nôi ngày 15 tháng 11 năm 1990.

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
 Trưởng phòng



Lê Thị Duyên

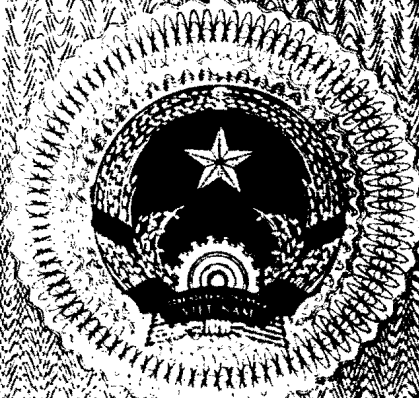
Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại tự do và được tạo mọi sự giúp đỡ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 109890/40-ĐC
Nº

Họ và tên / Full name

LÊ NGOC THUY YU

Ngày sinh / Date of birth

1970

Nơi sinh / Place of birth

Phước Ninh, Phú Yên

Chỗ ở / Domicile

Thị trấn, Quảng Ngãi

Nghề nghiệp / Occupation

Thợ may

Chiều cao / Height

1,50m

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer



THUY YU

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15 11 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

ĐẠI CỘNG HÒA VIỆT NAM
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 5 tháng 11 năm 1990

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Văn Dũng

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên *Full name*



Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

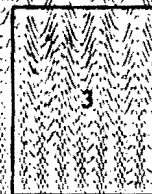
Họ và tên *Full name*



Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

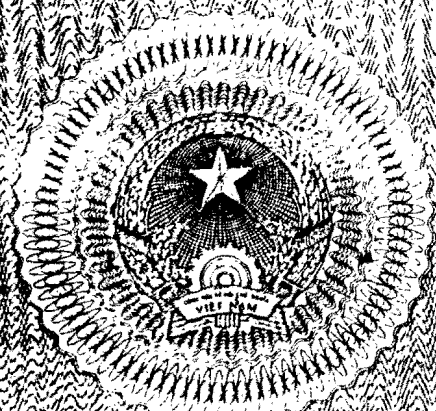
Họ và tên *Full name*



Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT QUỐC

10960000

Lê Ngọc Thạch Vũ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đến nay 10/06/1990

Đến nay 10/06/1990

Đến nay 10/06/1990

Đến nay 10/06/1990

Đến nay 10/06/1990

Đến nay 10/06/1990

Đến nay 10/06/1990



Lê Ngọc Thạch Vũ

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

SAD Y HAN CHANH

1990

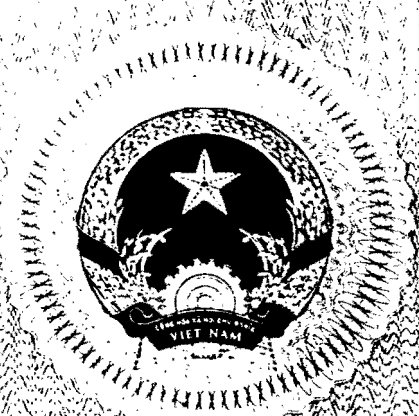
PHAN QUANG

CHU TICH

CHU TICH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 109886/90-ĐC
Nº

Họ và tên Full name

LÊ NGUYỄN QUỐC VŨ

Ngày sinh Date of birth

1967

Nơi sinh Place of birth

Khánh - Hưng

Chỗ ở Domicile

Điện - Giang

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 1 năm 1990.

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Phòng



L. T. Nguyễn

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

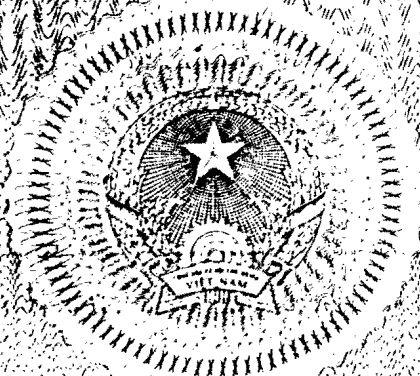
Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

109886.XC

Cấp cho: Lê Nguyễn Quốc VũCùng với: Chị emHọ nước: Thập hai quốc Hoa KỳQuốc tịch: Việt NamTrượt ngày: 15.05.1990Hải trình ngày 15 tháng 05 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Lê Thị Duyên

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi-là-rẻ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

SAO Y BAN CHANH

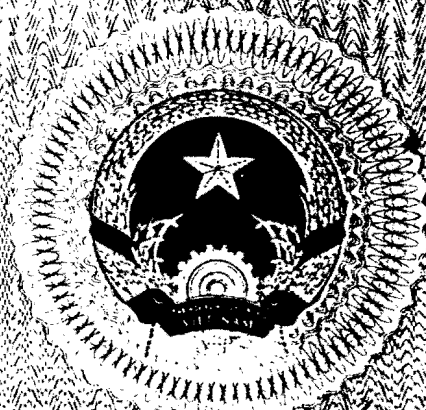
PHUONG T

TICH

PHUONG TICH

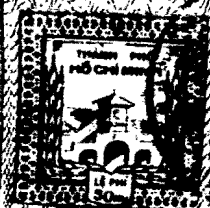
Trần Xuân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 109884 / 90-ĐC
Nº



2 và tên / Full name

NGUYỄN THỊ NGỌC THU

ngày sinh / Date of birth

1950

ơi sinh / Place of birth

Định Long

hộ ở / Domicile

Định Long

ghề nghiệp / Occupation

hiều cao / Height

ết tích đặc biệt khác / Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

Thus passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 1990

Issued at

on

QUỐC QUÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Lưu ý: Quyền

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

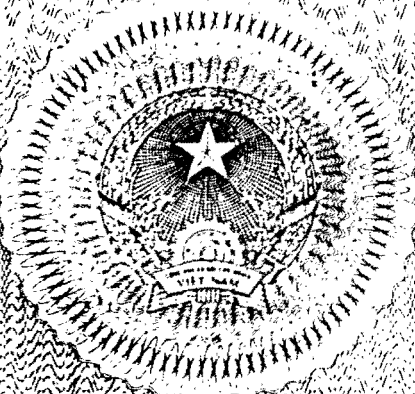
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 109884/KC
 Cấp cho Bà: Nguyễn Thị Ngọc Thu
 Đến _____
 Từ _____
 Loại cửa khẩu Cần Lôn Nhút
 Trước ngày 15-15-1991

Hà Nội ngày 15 tháng 1 năm 1990.

QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
 Trưởng phòng



Lê Văn Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

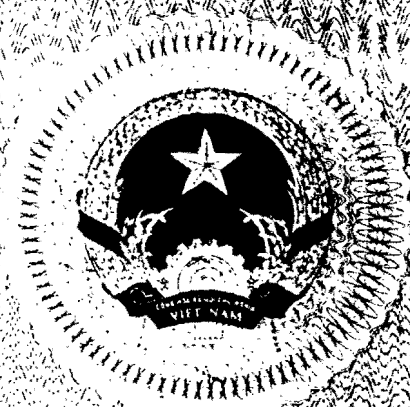
Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các quốc gia cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*

SẢY DAN CHẢNH



Nguyễn Văn Khoa



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 109882/90-ĐC

2

Họ và tên / Full name

LÊ NGỌC BỬU

Ngày sinh / Date of birth

12/4

Nơi sinh / Place of birth

Phước Hòa, Huế

Chỗ ở / Domicile

Biển, Quảng

Nghề nghiệp / Occupation

VIỆT NAM

Chiều cao / Height

Vết tích đặc biệt khác / Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
 Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15. 11. 1995.

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại ngày tháng năm 19
Issued at on năm 19

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

phòng



Lưu ý

5

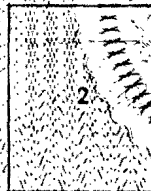
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



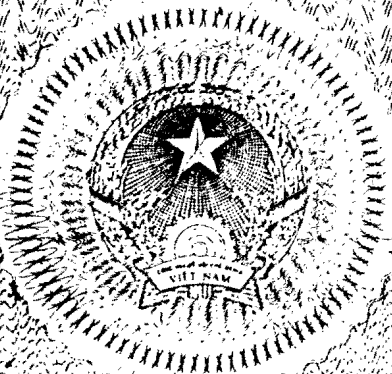
Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỦ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 109882 INC

Họ tên Ông Ye. Ngọc Bửu

Chức vụ Ông

Đến nước: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Lúc qua khẩu: Cầu Lộ Khẩu

Trước ngày 15-5-1991

Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
T. Kinh Phòng

Lê Văn Duyên

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại, đi, dừng và được
tạo mọi sự giúp đỡ cần thiết.

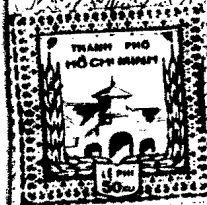
*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*

SAD Y BAN CHANH

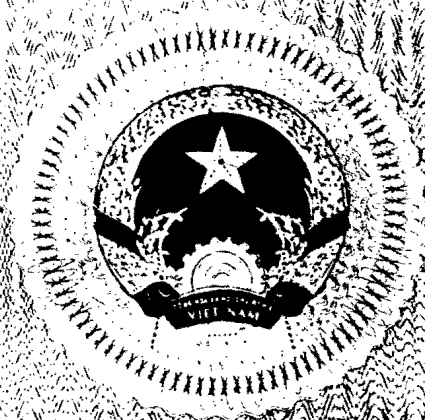
Ngày 22 tháng 12 năm 1990

NGUYỄN HƯNG 7

NGUYỄN VĂN THICH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 109988/90-TC

Họ và tên Full name

LÊ NGUYỄN TRƯỜNG VŨ

Ngày sinh Date of birth

1968

Nơi sinh Place of birth

Khánh - Hưng

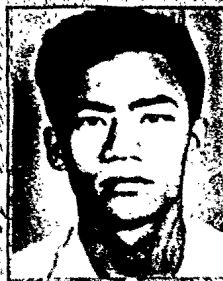
Chỗ ở Domicile

Tiền - Giang

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Anh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

15. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 1990.
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ MIỄN VISA VÀ PÁP CẢNH



Lo Thị Duyên

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

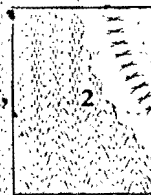
Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

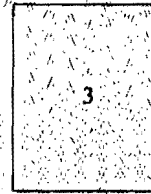
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

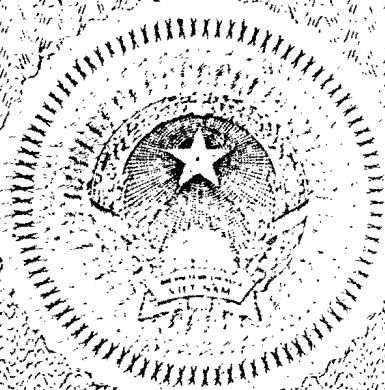
Nơi sinh *Place of birth*



BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

9



THỊ THỰC XUẤT CẢNH
Số 109888
Cá nhân Lê Nguyễn Trường Vũ
Đang đi trả em
Hạn nước: Thiệp chung quốc tế
Qua cửa khẩu: Cần Thơ
Trước ngày: 15/5/1991

Hà Nội ngày 15 tháng 4 năm 1990.

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Lê Thị Lương

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM.

I. BASIC INFORMATION ON APPLICATION VIETNAM

1. FULL NAME FOR EXPOLITICAL PRISONER; LÊ NGỌC BỬU

2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT. 22th. 1941.

AT: HUỠNG THỦY - THỪA THIÊN.

3. RANK AND MILITARY SERIAL NUMBER (BEFORE APRIL 1975):

MAJOR (61/115.954) BATTALION COMMANDER 127th C.V BATTALION OF THỪA THIÊN PROVINCE

*- 1963 - 1969: 42nd RANGER BATTALION / 4th GROUP / IV CORPS.

*- 1969 - 1974: THỪA THIÊN PROVINCE / I CORPS

4. MONTH, DATE, YEAR ARRESTED: SEPT. 11th. 1974

AT: BẠCH MÃ MOUNTAIN BASE.

*- BASE WAS OVER. RUN BY COMMUNIST THEN I WAS CAUGHT AS P.O.W AND BROUGHT TO CONCENTRATED. CAMP IN NORTH VIETNAM.

5. MONTH, DATE, YEAR OUT OF CAMP JAN. 30th. 1984

AT: HẨM TÂN CAMP.

6. PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE

7. PRESENT MAILING ADDRESS OF EXPOLITICAL PRISONER:

394/18. TRẦN HƯNG ĐẠO PH. MỸ THO. TIỀN GIANG

8. CURRENT ADDRESS:

394/18. TRẦN HƯNG ĐẠO. PH. MỸ THO. TIỀN GIANG.

II. LIST FULL NAME, DATE OF BIRTH AND PLACE OF BIRTH OF EXPOLITICAL PRISONER AND RELATIVES:

1. FULL NAME OF EXPOLITICAL PRISONER: LÊ NGỌC BỬU

2. DATE, PLACE OF BIRTH: OCT. 22th. 1941

AT: HUỠNG THỦY - THỪA THIÊN.

RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER TO BE CONSISTED FOR THE US COUNTRY.

	NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MARRITAL STATUS	RELATION SHIP
1.	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	AUG. 7 th . 1950	VĨNH LONG	FEMAL	MARRIED	WIFE
2.	LÊ NGUYỄN QUỐC VŨ	MAY. 19 th . 1967	BA XUYÊ	MAL	BACHELOR	CHILD
3.	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	JULY. 30 th . 1968	BA XUYÊ	MAL	BACHELOR	CHILD
4.	LÊ NGỌC THÚY VŨ	JAN. 22 th . 1970	THỪA THIÊN	FEMAL	SINGLE	BROGH-TER

5	LÊ NGUYỄN HUY VŨ	FEB. 6 th 1972	THUẬN THIÊN	MAL	BACHELOR	CHILD
6	LÊ NGỌC HÀ VŨ	AUG. 6 th 1974	THUẬN THIÊN	FEMAL	SINGLE	DAUGHTER

III. RELATION OUT SIDE VIETNAM

A. CLOSET RELATIVE IN THE US. NONE

B. CLOSET RELATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRY: NONE

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW. NONE.

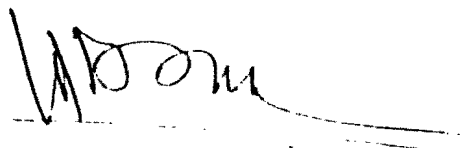
* I AND OUR FAMILY WANT TO BE LEFT VIETNAM HUMANITARY ACTION AS SOON AS POSSIBLE

V. LIST HERE ALL DOCUMENT ATTACHED OF THE QUESTIONNAIRE:

- PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE
- PHOTOS AND BIRTH CERTIFICATE OF MY FAMILY
- PHOTOCOPY MARRIAGE CERTIFICATE

SIGNATURE

DATE, AUG. 2nd 1988


LÊ NGỌC BỬU

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến: 394/18 P.18

Chuyển đến

Từ ngày 01 tháng 11 năm 84

Từ ngày tháng năm

Ký tên đóng dấu

Ký tên đóng dấu

Chức

Chức

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Trưởng công an

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Trưởng công an

Mẫu số NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHẬN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 0489/18

NGUYỄN THỊ NGỌC THU

Họ và tên chủ hộ:

Số nhà: 394/18 Ngõ (hẻm):

Đường phố: Đ. Nguyễn Văn Cừ Quận CẦN ĐƠ

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh, thành phố:

Ngày tháng năm

Trưởng công an

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

THỦ LƯU
CÁN BỘ



X



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 296 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Hầm tằm**

Số

GRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông số 66-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ hành án văn, quyết định thứ **144**

ngày **16** tháng **01** năm **1984**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Lê Ngọc Dân**

Sinh năm 19 **41**

Các tên gọi khác **Lê Ngọc Dân**

Nơi sinh **Thị trấn Thiên**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **394/46 trấn hương đệ nhị thôn, trấn hương**

Can tội **Thiếu tá thiên môn trưởng**

Bị bắt ngày **11/09/74**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị giam ở Đn, công thành năm tháng

Đã được giảm án Đn, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại **394/46 trấn hương đệ nhị thôn, trấn hương**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : quá trình cải tạo không có biến hóa gì xấu, chấp sự giáo dục của cách mạng.

Lao động : Thể hiện tinh thần cố gắng tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc giao cho có chất lượng.

Nghị quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập : tham gia học tập theo chuyên môn khá.

(quán chức là trưởng)

Trưởng trại **Trưởng trại**

Hội đồng quản

Lưu tại văn phòng

Của **Lê Ngọc Dân**

Định bản số

Lưu tại

Họ tên, chỉ bị người được tha

Ngày **20** tháng **01** năm **1984**

Q. Giám thị

THIÊN TÀI NGUYỄN ANH QUANG

Xác nhận
Đã có đến trình diện
tại địa phương
ngày 2-2-84
Nguyễn Hùng Cường

[Signature]

NG. H. H. H. H.

TỈNH BA-XUYỀN

QUẬN Mỹ-Xuyên

XÃ Khánh-Hung

Số hiệu 722

TRÍCH - LỤC

CHUNG-THU HÔN THỦ



Tên họ người chồng Lê-ngọc-Bửu

Nghề - nghiệp quân nhân

Sanh ngày 22 tháng 10 năm 1941

Tại An-Cự-Tây (Thừa-Thiên)

Cư - sở tại

Tạm-trú tại Khánh-Hung (Baxuyên)

Tên họ cha chồng Lê-ngọc-Mào (chết)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Võ-thị-Đỗ (sống) 56 tuổi

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Nguyễn-thị Ngọc-Thu

Nghề - nghiệp nội-trợ

Sanh ngày 7 tháng 8 năm 1950

Tại Long-Châu (Vĩnh-Long)

Cư sở tại

Tạm - trú tại Khánh-Hung (Baxuyên)

Tên họ cha vợ Nguyễn-văn-Trước (sống) 48 tuổi

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Mai-thị-Tư (sống) 45 tuổi

(Sống chết phải nói)

Ngày cưới Một, tháng mười hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu.

— Vợ chồng khai có hay không hôn khế

Ngày tháng năm

Tại

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Khánh-Hung, ngày 1 tháng 12 năm 1966

Chủ-Tịch kiêm VIÊN-CHỨC HỘ LẠI,

Đã-Viên Tài-Chánh,

[Signature]

Chai-him-Luôn



NGOC THUAN

Khánh-Hung
ngày 2 tháng 12 năm 1966
L. Linh Trường
Trưởng Ủy Hành Chính



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

Bà-Mỵễn

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Khánh-Hùng

Tỉnh Bà-Mỵễn

(NAM PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 1300
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lê nguyên quốc Vũ.-
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam;
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Mười chín, tháng năm, Năm 1967.-
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hồ sanh Viện Khánh-Hùng,
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lê ngọc Hải.-
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân-Nhân,
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	43 Đường Lê Thảo.-
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị ngọc Thu.-
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ,
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	43 Đường Lê Thảo.-
Vợ chánh này thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ Chánh./-

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Bà-Mỵễn, ngày 3/10 1974

CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền . . . : 15 \$ 00
(Coût)

Biên-lai số: MPTT
(Quittance No)



«LÝNH VÂN HIẾU

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

Ba-Miền

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE _____)



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Mã Khánh-Hùng

Tỉnh Ba-Miền

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1968
(Année)

SỐ HIỆU 2321
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lê nguyên trường Vũ.-
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam,
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ba, mười, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.-
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Đạo sanh Khánh-Hùng,
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lê ngọc Hưu.-
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân Nhân,
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	43 Trương công Định.-
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị ngọc Thu.-
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội Trợ,
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	43 Trương công Định.-
Vợ chánh này thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ Chánh./-

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền : 15\$ 00
(Cout)

Biên-lai số: MPIT
(Quittance No)



Ba-Miền, ngày 3/10 197 4
CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

MUỖNH VĂN HIỆU

Số hiệu : 47

KHAI SANH



Có bản tại hiệu MINH-CHƯƠNG 64, Duy-Tân - Huế

Họ và tên ấu nhi :	LÊ - NGỌC THÚY - VŨ
Phái :	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm :	Ngày Hai mươi hai, tháng Một, năm Một ngàn chín trăm bảy mươi (22.I.1970)
Tại :	Thủy-An, An-Cựu-Tây, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Cha :	LÊ - NGỌC - BŨU
Họ và tên Tuổi :	Hai mươi chín tuổi (29)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699
Mẹ :	NGUYỄN-THỊ NGỌC-THU
Họ và tên Tuổi :	Hai mươi tuổi (20)
Nghề nghiệp :	Nội trợ
Cư trú tại :	Ấp Lê-Lợi, Xã Thủy-An
Vợ :	Chính
Chánh hay thứ :	LÊ - NGỌC - BŨU
Người khai :	Hai mươi chín tuổi (29)
Họ và tên Tuổi :	Quân-nhân
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699
Ngày khai :	Ngày Hai mươi tám, tháng Một, năm Một ngàn chín trăm bảy mươi (28.I.1970)
Người chứng thứ nhất :	NGUYỄN - HỮU - THI
Họ và tên Tuổi :	Hai mươi sáu tuổi (26)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699
Người chứng thứ nhì :	LÊ-NGỌC-SINH
Họ và tên Tuổi :	Hai mươi bảy tuổi (27)
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	KBC : 4699

PHUNG TRICH LUC



CHAU TRAC

Làm tại Xã Thủy-An, ngày 28 tháng I năm 1970

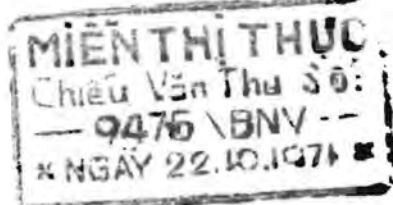
Người khai,
LÊ-NGỌC-BŨU

Hộ lại,

Nhân chứng,

1/ NGUYỄN-HỮU-THI

2/ LÊ-NGỌC-SINH .



Số hiệu : 67

KHAI SANH



CHÚNG

Em LÊ-NGỌC

Em LÊ-NGUYỄN

là song sin

chúng tôi .

Thủy-An, ngày 23.2.1972

Ủy-Viên Hộ-Tịch

(Ký tên và đóng dấu)

PHAN-BÁ-XÀ

Có bản tại hiệu MINH-CHƯƠNG 66, Duy-Tân - Huế

Họ và tên ấu nhi :	LÊ - NGUYỄN HUY - VŨ (Song-sinh)
Phái :	Nam
Sinh	Ngày Sáu, tháng hai, năm Một ngàn
Ngày, tháng, năm	chín trăm bảy mươi hai (06.2.1972)
Tại	An-Cựu-Tây, Thủy-An, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Cha	LÊ - NGỌC - BỬU
Họ và tên	
Tuổi	Ba mươi một tuổi (31)
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC : 6749
Mẹ	NGUYỄN-THỊ NGỌC-THU
Họ và tên	
Tuổi	Hai mươi hai tuổi (22)
Nghề nghiệp	Nội trợ
Cư trú tại	An-Cựu-Tây, Thủy-An, Hương-Thủy, Thừa-Thiên
Vợ	Chánh
Chánh hay thứ	LÊ-NGỌC-BỬU
Người khai	
Họ và tên	
Tuổi	Ba mươi một tuổi (31)
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC : 6749
Ngày khai	Ngày Hai mươi ba, tháng hai, năm Một
	Ngàn chín trăm bảy mươi hai
Người chứng thứ nhất :	NGUYỄN - NHƠN
Họ và tên	
Tuổi	Ba mươi sáu tuổi (36)
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC : 6749
Người chứng thứ nhì :	LÊ-NGỌC-SINH
Họ và tên	
Tuổi	Ba mươi ba tuổi (33)
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC : 6749

Làm tại THỦY-AN, ngày 23 tháng 2 năm 1972Người khai,
LÊ-NGỌC-BỬUHộ lại,
(Ký tên và áp dấu)
PHAN-BÁ-XÀNhân chứng,
1/NGUYỄN-NHƠN
2/LÊ-NGỌC-SINH

MIỄN THỊ THỰC

Chiếu Văn Thư Số:

— 9475 \BNV—

* NGÀY 22.10.1971 *

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Thị Xã Thị trấn

Quận Hương Thủy

Xã, Phường Thủy An

Số hiệu : 21

TRÍCH - LỤC
Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 10 tháng 08 năm 19 74



Nhà in THANH BINH (trước một Ty Ban Điện - TTĐ)

Tên họ đứa trẻ : LÊ - NGOC HA - VU

Con trai hay con gái : Gái

Ngày sanh : Hồng sáu, tháng tám, năm
một ngàn chín trăm bảy
mươi bốn (06.08.1974).

Nơi sanh : An-Giải-Tây, Hương-Thủy,
Thị trấn.

Tên họ người cha : LÊ - NGOC - HUU

Tên họ người mẹ : NGUYỄN-THI NGOC-THU

Vợ chánh hay không
có hôn thú : Vợ chánh

Tên họ người đứng khai : LÊ - NGOC - HUU

Trích lục y bản chánh

ngày 10 tháng 08 năm 19 74

Chức vụ Hộ tịch,

Chánh



PHÂN AN TIẾP LỤC

THỊ TRẤN AN GIẢI TÂY HƯƠNG THỦY
CHỦ TỊCH UBND XÃ



CHẤM-TRẮC